

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v: Tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Công Tạo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng A; sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp TA, xã Tân VH, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. *Bị đơn:*

+ Bà Đỗ Thị Thúy B, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp TA, xã Tân VH, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp TA, xã Tân VH, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Nguyễn Hoàng C (tên ở nhà là T) là bà con chú bác họ với nhau, bà Đỗ Thị Thúy B là vợ của ông C. Từ năm 2017, bà B có tham gia chơi các dây hui do bà A làm chủ hui, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1: Ngày 15/12/2017, hụi 5.000.000 đồng, B chơi hai phần, dây hụi này gồm 20 người. Bà B hốt hụi vào ngày 15/4/2018 được 69.250.000 đồng (hốt hụi của 01 phần). Đến ngày 15/6/2018, bà B hốt hụi được 76.250.000 đồng (hốt hụi của 01 phần còn lại). Dây hụi này bà B nợ bà A từ tháng 04/2019 đến tháng 07/2019 mãn hụi với số tiền 40.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2: Ngày 05/01/2018, hụi 5.00.000 đồng, B chơi hai phần hụi, dây hụi này gồm 20 người. Bà B hốt hụi vào ngày 05/01/2018 được 63.810.000 đồng (hốt hụi của 01 phần). Đến ngày 05/6/2018, bà B hốt hụi được 65.900.000 đồng (hốt hụi của 01 phần còn lại). Dây hụi này bà B nợ bà A từ tháng 03/2019 đến tháng 08/2019 mãn hụi với số tiền 50.000.000 đồng.

+ Dây hụi 3: Ngày 05/4/2018, hụi 1.000.000 đồng, B chơi một phần, dây hụi này gồm 16 người. Bà B hốt hụi vào ngày 05/10/2018 được 12.660.000 đồng. Dây hụi này bà B nợ bà A số từ tháng 03/2019 đến tháng 07/2019 mãn hụi với số tiền là 4.000.000 đồng.

+ Dây hụi 4: Ngày 15/7/2018, hụi 3.000.000 đồng, B chơi ba phần, dây hụi này gồm 23 người. Bà B hốt hụi vào ngày 15/11/2018 được 44.700.000 đồng (hốt hụi của một phần). Đến ngày 15/01/2019, bà B hốt hụi được 44.820.000 đồng (hốt hụi của 01 phần). Dây hụi này bà B nợ bà A từ tháng 03/2019 đến tháng 04/2020 là mãn hụi với số tiền 78.000.000 đồng

+ Dây hụi 5: Dây hụi mượn sống, hụi 5.000.000 đồng giao đủ gồm có 20 người được khui vào ngày 05/01/2018. Dây hụi này là dây hụi số 02 mà bà B đã chết hụi nhưng mượn hụi, bà B không cần phải đóng tiền hụi dây này, bà B mượn nên đến cuối cùng khi mãn hụi thì bà B phải trả số tiền là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà B không trả tiền cho bà A, bà B còn nợ bà A số tiền 100.000.000 đồng.

+ Dây hụi 6: Dây hụi mượn sống, hụi 5.000.000 đồng giao đủ 20 người được khui vào ngày 15/12/2017. Bà B hốt hụi vào ngày 15/08/2018. Dây hụi này là dây hụi số 01 mà bà B đã chết hụi nhưng mượn hụi, bà B không cần đóng tiền dây hụi này, bà B mượn nên cuối cùng khi mãn hụi thì bà B phải trả số tiền là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà B không có trả tiền cho bà A, bà A còn nợ bà A số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền hụi của các dây hụi bà B nợ bà A là 422.000.000 đồng và 44.820.000 tiền bà B, ông C nhận vào ngày 20/01/2019 là tổng cộng bà B nợ bà A số tiền 466.820.000 đồng.

Sau khi hốt tất cả các dây hụi nêu trên thì bà B ngưng đóng hụi chết cho bà A, bà A đã yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng bà B và ông C không thực hiện. Ngày 20/01/2019, ông C và bà B đã ký xác nhận còn nợ bà A tổng số tiền nợ hụi là 432.000.000 đồng. Do bà B và ông C không thực hiện việc thanh toán nợ hụi cho bà A nên bà A khởi kiện đối với ông C và bà B tại Tòa án nhân dân thị xã M. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà B phải thanh toán cho bà A tổng số tiền nợ hụi là 432.000.000 đồng, bà A không yêu cầu tính lãi xuất.

Tại phiên tòa, bà A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thanh toán số tiền 26.000.000đồng. Do trong quá trình khởi kiện thì B có thanh toán cho bà A được số tiền 26.000.000đồng.

Vì vậy, tại phiên tòa, bà A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà B phải liên đới thanh toán cho bà A số tiền 406.000.000đồng, bà A không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại bản tự khai nộp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng C trình bày: Ông C là bà con với bà A và là chồng bà B, tên thường gọi ở nhà của ông C là T theo như bà A trình bày là đúng. Ông C có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng do bận công việc nên ông C không đến Tòa án tham gia tố tụng. Ông C xác định có biết việc vợ ông là bà B có tham gia chơi hụi do bà A là chủ hụi, nhưng ông C không rõ bà B nợ bà A bao nhiêu tiền hụi đã hốt, trong quá trình chơi hụi thì ông C có nhận tiền hốt hụi 01 lần với số tiền 44.820.000đồng. Ngày 20/01/2019, ông C có cùng vợ là bà B ký tên vào giấy xác nhận còn nợ bà A tổng số tiền là 432.000.000đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông C và bà B chưa thanh toán được cho bà A. Trong quá trình khởi kiện thì bà B có thanh toán cho bà A được số tiền 26.000.000đồng như bà A trình bày. Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông C và bà B phải liên đới thanh toán cho bà A số tiền 406.000.000đồng thì ông C đồng ý. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông xin bà A cho thanh toán dần hàng tháng cho đến khi hết số nợ.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy B đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà B không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, ngoài các ý kiến trình bày như trên, các đương sự không trình bày thêm cũng như không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Đỗ Thị Thúy B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt

không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà B là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thanh toán số tiền 26.000.000đồng của nguyên đơn đối với bị đơn, nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng A là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là bà B và ông C có địa chỉ cư trú tại xã TVH, thị xã M, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn Đỗ Thị Thúy B mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện và triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên hòa giải, xét xử vụ án. Tuy nhiên, bà B không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà B đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán số tiền 26.000.000đồng nợ hui. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết tranh chấp : Xét nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn là ông C và bà B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà A số tiền 406.000.000đồng (bốn trăm linh sáu triệu đồng) do bà B vợ ông C tham gia chơi hui, đã hốt hui nhưng không tiếp tục đóng hui và có lập văn bản thể hiện còn nợ bà A số tiền là 432.000.000đồng vào ngày 20/01/2019. Ông C xác định việc bà B vợ ông có tham gia chơi hui do bà A là chủ hui. Trong quá trình đó, ông C có nhận tiền giao hui từ bà A là 44.820.000đồng. Ông C thống nhất việc thanh toán cho bà A số tiền nợ còn lại là 406.000.000đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông xin được trả dần hàng tháng cho đến khi hết số nợ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do nguyên đơn là bà A được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, các bị đơn là bà Đỗ Thị Thúy B và ông Nguyễn Hoàng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A đối với các bị đơn Đỗ Thị Thúy B và Nguyễn Hoàng C về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ hui là 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A đối với các bị đơn Đỗ Thị Thúy B và Nguyễn Hoàng C về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ hui.

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy B và Nguyễn Hoàng C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng A số tiền 406.000.000đồng (Bốn trăm linh sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C, bà B chưa thanh toán xong số tiền trên cho bà A thì hàng tháng, bà B và ông C còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Thúy B và ông Nguyễn Hoàng C phải liên đới nộp số tiền 20.240.000đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.640.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037191 ngày 30/8/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A, bị đơn ông Nguyễn Hoàng C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Đỗ Thị Thúy B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã M(01);
- Chi cục THADS thị xã M (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thiện